

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Sau khi xem xét Tờ trình số 7109/TTr-STC ngày 27/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Tại điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP quy định:

“m) ... Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.”.

Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC quy định:

“2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Quy định tại Điều 152 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017, Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tỉnh Thái Nguyên (cũ) và tỉnh Bắc Kạn (cũ) đã ban hành quy định¹ về phân định

¹ - Tỉnh Thái Nguyên (cũ): Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tỉnh Bắc Kạn (cũ): Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn gồm:

+ Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 Ban hành quy định về phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

+ Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

+ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành

nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường.

Tại điểm b khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 quy định:

“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Theo đó, hiện nay việc phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp) đang áp dụng theo các Nghị quyết khác nhau với nhiều điểm khác biệt, chưa bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời, qua rà soát cho thấy một số nội dung tại Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08 ngày 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên có quy định cho cấp huyện, đã không còn phù hợp với quy định tại Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Từ những nội dung trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm mục đích thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ); Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy trình tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Sở Tài chính đã có Công văn số 1815/STC-TH&QLNS ngày 04/3/2026 về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và đăng tải trên Công Thông tin điện tử của tỉnh gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã và Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến, có tổng số 57 cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản góp ý kiến, cụ thể: 54 ý kiến nhất trí; 03 ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ trình ban hành Nghị quyết và có Công văn số 2874/STC-TH&QLNS ngày 01/4/2026 gửi Sở Tư pháp thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 124/BCTĐ-STC ngày 14/4/2026, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6859/BC-STC ngày 22/5/2026

và hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh (gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là cấp xã).

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 3. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 4. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

Điều 5. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách cấp xã.

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

Điều 7. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Kinh phí đảm bảo thực thi Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV.

(Có dự thảo Nghị quyết và tài liệu liên quan kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Linh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TTBTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của

Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh (gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là cấp xã).

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 2. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công), bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp tỉnh (bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường);

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng,

chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo pháp luật về công nghệ thông tin);

b) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

c) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tỉnh (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh;

b) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

c) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, cấp lĩnh vực; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; theo dõi, giám sát, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính các cơ sở trong phạm vi quản lý; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giám nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh;

d) Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước;

đ) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh;

e) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa bàn.

6. Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ.

7. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật;

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

c) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

8. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;

b) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm cấp tỉnh (đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc sự nghiệp môi trường).

9. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh;

c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh

giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn;

d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường;

e) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường;

g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định;

k) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều phối, Tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền thành lập; tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

l) Các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 3. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách cấp tỉnh

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải;

b) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường (theo dự án đầu tư), bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của địa phương; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp tỉnh;

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ;

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển theo pháp luật về công nghệ thông tin).

4. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh;

b) Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh.

5. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm: Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm cấp tỉnh (đối ứng dự án vốn viện trợ thuộc nguồn đầu tư).

6. Cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.

Điều 4. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp xã;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc cấp xã quản lý.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công), bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã (bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường);

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo pháp luật về công nghệ thông tin);

b) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã;

4. Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của cấp xã;

b) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của cấp xã.

6. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật thuộc nhiệm vụ của cấp xã;

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cấp xã;

c) Giáo dục về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của cấp xã.

7. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- a) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của cấp xã;
- b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh;
- c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn;
- d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường;
- e) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường;
- g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- h) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- i) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định;
- k) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều phối, Tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền thành lập; tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- l) Các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật; các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 5. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải thuộc trách nhiệm của cấp xã;

b) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của cấp xã.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường (theo dự án đầu tư), bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã;

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn thuộc nhiệm vụ cấp xã; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thuộc nhiệm vụ cấp xã; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ;

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã

theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển theo pháp luật về công nghệ thông tin).

4. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của cấp xã;

b) Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc nhiệm vụ của cấp xã.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

c) Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn;

d) Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định

nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2018 (được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2024) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Số: 124/BC-STP

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: **Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.**

- Cơ quan ban hành văn bản: HĐND tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan trình văn bản: UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp soạn thảo: không.

- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 01/4/2026, kèm theo Công văn số 2874/STC-THQH ngày 01/4/2026 của Sở Công thương.

- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định: đảm bảo đầy đủ theo quy định.

Phần thứ nhất

NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP) quy định:

“m) ... Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.”

Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC) quy định:

“2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Quy định tại Điều 152 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.

Căn cứ các quy định trên, HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) đã ban hành các Nghị quyết về phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường¹.

Điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025) quy định: “*b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.*

Do vậy, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp), việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Về phạm vi điều chỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày ngắn gọn theo hướng: “Nghị quyết này quy định về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

¹ - Tỉnh Thái Nguyên: Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tỉnh Bắc Kạn: Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 Ban hành quy định về phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

III. SỰ PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG; TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

1. Sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng

Dưới góc độ hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII (về phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp), Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp, trong đó một trong những nhiệm vụ, giải pháp được đề ra là: "*Khẩn trương nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật bảo đảm đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện*".

Với các chỉ đạo trên, cơ quan thẩm định đánh giá, việc ban hành Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đảm bảo sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng.

2. Thẩm quyền ban hành

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP);
- Căn cứ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC);
- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết trên là đúng thẩm quyền.

3. Căn cứ ban hành

Phù hợp.

4. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành

Cơ quan thẩm định đánh giá, nội dung dự thảo được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2017/TT-BTC; Thông tư số 31/2023/TT-BTC; dự thảo cũng đã được lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổng hợp, tiếp thu chỉnh sửa theo những ý kiến góp ý, đồng thời có sự đánh giá,

rà soát để xây dựng dự thảo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để dự thảo hoàn thiện hơn, đề nghị nghiên cứu một số nội dung sau:

4.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung từ “cấp” vào trước từ “tỉnh”, “xã” tại điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định “trên địa bàn thuộc tỉnh quản lý”; điểm b khoản 1 Điều 4 dự thảo Quyết định “trên địa bàn thuộc xã quản lý” để bảo đảm tính chính xác.

4.2. Tại Điều 4 và Điều 5 dự thảo Nghị quyết về phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan quy định về trách nhiệm của UBND cấp xã trong công tác bảo vệ môi trường để phân định nhiệm vụ chi bảo đảm phù hợp, ví dụ:

- Điểm a và điểm c khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã như sau:

“a) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của cấp xã;

...

c) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định)”

“b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của cấp xã”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

“1. Hệ thống quan trắc môi trường bao gồm:

a) Quan trắc môi trường quốc gia là mạng lưới các trạm, vị trí quan trắc môi trường nền và môi trường tác động phục vụ việc quan trắc, cung cấp thông tin chất lượng môi trường nền và môi trường tác động tại các khu vực có tính chất liên vùng, liên tỉnh, xuyên biên giới;

b) Quan trắc môi trường cấp tỉnh là mạng lưới các trạm, vị trí quan trắc môi trường nền và môi trường tác động phục vụ việc quan trắc, cung cấp thông tin chất lượng môi trường nền và môi trường tác động tại các khu vực trên địa bàn;

c) Quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 109 của Luật này;

d) Quan trắc môi trường tại dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp;

đ) Quan trắc đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên.”

Theo quy định trên, hệ thống quan trắc môi trường bao gồm quan trắc môi trường quốc gia, quan trắc môi trường cấp tỉnh,...(không bao gồm hệ thống quan trắc môi trường cấp xã).

- Điểm c khoản 6 Điều 4 quy định “c) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của cấp xã”.

Điểm đ khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 35 Điều Luật số 146/2025/QH15) quy định trách nhiệm của UBND cấp xã: “*đ) Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng; hướng dẫn cộng đồng dân cư trên địa bàn đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước, xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa*”. (Luật không quy định UBND cấp xã có trách nhiệm đào tạo về bảo vệ môi trường).

- Khoản 8 Điều 4 và khoản 5 Điều 5 dự thảo quy định “Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường: Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm cấp xã ...”

Theo quy định tại Điều 168 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “*tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật*”, (Luật không quy định trách nhiệm của UBND cấp xã đối với hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường).

- Điểm a khoản 9 Điều 4 dự thảo quy định: “a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu”.

Theo điểm a khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 35 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15) quy định trách nhiệm của UBND cấp xã “*Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương*”.

Theo khoản 2 Điều 61 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “*Ban hành và hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương*” (UBND cấp xã không có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương).

Theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (được sửa đổi bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP): “*Trường hợp đối với những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc*

phạm vi quản lý để thực hiện tại địa phương" (UBND cấp xã không có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế kỹ thuật).

Đối với các nhiệm vụ chi còn lại tại Điều 4, Điều 5 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu rà soát, đối chiếu với các quy định của pháp luật để bảo đảm tính phù hợp.

5. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo không quy định thủ tục hành chính.

6. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Kinh phí đảm bảo thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách.

Dự thảo Nghị quyết không quy định nội dung phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; không có nội dung liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7. Về hiệu lực thi hành

Phù hợp.

8. Nơi nhận văn bản

Đề nghị điều chỉnh tên “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính – Bộ Tư pháp” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp”.

III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

- Đề nghị rà soát thực hiện đảm bảo theo Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (như lược bỏ gạch dưới ở dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết...).

- Đề nghị rà soát dự thảo Tờ trình theo đúng mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Phần thứ hai

KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Về đăng ký xây dựng văn bản: Chủ trương ban hành Nghị quyết được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 66/HĐND-VP ngày 16/3/2026 của Thường trực HĐND tỉnh.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản: đã thực hiện; Đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng Thông tin điện

tử của UBND tỉnh: đã thực hiện (Công văn số 1815/STC-TH&QLNS ngày 04/3/2026 của Sở Tài chính).

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định 78/2025/NĐ-CP.

- Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh phối hợp rà soát, nghiên cứu các nội dung thẩm định, giải trình khi cơ quan soạn thảo trình, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp của nội dung văn bản.

- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (tham mưu);
- Giám đốc Sở;
- Phó Giám đốc Sở (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, XDVB.
(trangnt.xdvvb)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Sơn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-TH&QLNS
V/v tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên.

Căn cứ Văn bản số 66/HĐND-VP ngày 16/3/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đề nghị đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Văn bản số 2694/UBND-KT ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 124/BC-STP ngày 14/4/2026 về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh

1.1. Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày ngắn gọn theo hướng: “Nghị quyết này quy định về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

1.2. Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết:

Nhất trí và tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định.

2. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành

2.1. Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:

Đề nghị nghiên cứu một số nội dung sau:

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung từ “cấp” vào trước từ “tỉnh”, “xã” tại điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định “trên địa bàn thuộc tỉnh quản lý”; điểm b khoản 1 Điều 4 dự thảo Quyết định “trên địa bàn thuộc xã quản lý” để bảo đảm tính chính xác.

- Tại Điều 4 và Điều 5 dự thảo Nghị quyết về phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan quy định về trách nhiệm của UBND cấp xã trong công tác bảo vệ môi trường để phân định nhiệm vụ chi bảo đảm phù hợp, ví dụ:

+ Điểm a và điểm c khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã như sau:

“a) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của cấp xã;

...

c) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định)”

“b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của cấp xã”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

“1. Hệ thống quan trắc môi trường bao gồm:

a) Quan trắc môi trường quốc gia là mạng lưới các trạm, vị trí quan trắc môi trường nền và môi trường tác động phục vụ việc quan trắc, cung cấp thông tin chất lượng môi trường nền và môi trường tác động tại các khu vực có tính chất liên vùng, liên tỉnh, xuyên biên giới;

b) Quan trắc môi trường cấp tỉnh là mạng lưới các trạm, vị trí quan trắc môi trường nền và môi trường tác động phục vụ việc quan trắc, cung cấp thông tin chất lượng môi trường nền và môi trường tác động tại các khu vực trên địa bàn;

c) Quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 109 của Luật này;

d) Quan trắc môi trường tại dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp;

đ) Quan trắc đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên.”

Theo quy định trên, hệ thống quan trắc môi trường bao gồm quan trắc môi trường quốc gia, quan trắc môi trường cấp tỉnh,...(không bao gồm hệ thống quan trắc môi trường cấp xã).

- Điểm c khoản 6 Điều 4 quy định “c) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của cấp xã”.

Điểm đ khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 35 Điều Luật số 146/2025/QH15) quy định trách nhiệm của UBND cấp xã: “*đ) Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng; hướng dẫn cộng đồng dân cư trên địa bàn đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước, xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa*”. (Luật không quy định UBND cấp xã có trách nhiệm đào tạo về bảo vệ môi trường).

- Khoản 8 Điều 4 và khoản 5 Điều 5 dự thảo quy định “Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường: Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm cấp xã ...”

Theo quy định tại Điều 168 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “*tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật*”, (Luật không quy định trách nhiệm của UBND cấp xã đối với hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường).

- Điểm a khoản 9 Điều 4 dự thảo quy định: “a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu”.

Theo điểm a khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 35 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15) quy định trách nhiệm của UBND cấp xã “*Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương*”.

Theo khoản 2 Điều 61 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “*Ban hành và hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương*” (UBND cấp xã không có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương).

Theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (được sửa đổi bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP): “*Trường hợp đối với những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý để thực hiện tại địa phương*” (UBND cấp xã không có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế kỹ thuật).

2.2. Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết:

Nhất trí và tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định. Sở Tài chính đã rà soát, đối chiếu với các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật

có liên quan quy định về trách nhiệm của UBND cấp xã trong công tác bảo vệ môi trường; chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Các ý kiến thẩm định khác

3.1. Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:

- Đề nghị điều chỉnh tên “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp”.

- Đề nghị rà soát thực hiện đảm bảo theo Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (như lược bỏ gạch dưới ở dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết...).

- Đề nghị rà soát dự thảo Tờ trình theo đúng mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

3.2. Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết:

Nhất trí và tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH&QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Ngọc

Số: /TTr-STC

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-

BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đó, tại điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP quy định:

“m) ... Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.”.

Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC quy định:

“2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Quy định tại Điều 152 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017, Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tỉnh Thái Nguyên (cũ) và tỉnh Bắc Kạn (cũ) đã ban hành quy định¹ về phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường.

Tại điểm b khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 quy định:

“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp

¹ - Tỉnh Thái Nguyên (cũ): Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tỉnh Bắc Kạn (cũ): Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn gồm:

+ Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 Ban hành quy định về phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

+ Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

+ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, tỷ lệ chi phí quản lý chung và một số mức chi đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 27/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Theo đó, hiện nay việc phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau sắp xếp) đang áp dụng theo các Nghị quyết khác nhau với nhiều điểm khác biệt, chưa bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời, qua rà soát cho thấy một số nội dung tại Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08 ngày 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên có quy định cho cấp huyện, đã không còn phù hợp với quy định tại Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Từ những nội dung trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm mục đích thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ); Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi

ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy trình tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Sở Tài chính đã có Công văn số 1815/STC-TH&QLNS ngày 04/3/2026 về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và đăng tải trên Công Thông tin điện tử của tỉnh gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã và Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến, có tổng số 57 cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản góp ý kiến, cụ thể: 54 ý kiến nhất trí; 03 ý kiến đóng góp vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ trình ban hành Nghị quyết và có Công văn số 2874/STC-TH&QLNS ngày 01/4/2026 gửi Sở Tư pháp thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 124/BCTĐ-STC ngày 14/4/2026, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6859/BC-STC ngày 22/5/2026 và hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết, báo cáo UBND tỉnh đề trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh (gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là cấp xã).

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 3. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 4. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

Điều 5. Hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách cấp xã.

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

Điều 7. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Kinh phí đảm bảo thực thi Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nội dung tham mưu đã đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, số liệu đảm bảo chính xác và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc; Giám đốc Sở Tài chính và người ký trình chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh/Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu./.

(Có dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đính kèm)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TH&QLNS.

GIÁM ĐỐC

Lê Kim Phúc